

Số: 3255/QĐ-UBND

Duyên Hải, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung
xây dựng xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ công văn số 484/SXD-QH&KT ngày 08/5/2018 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc phê duyệt chủ trương lập quy hoạch đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc phê duyệt Nhiệm vụ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 10/9/2020 của HĐND xã Ngũ Lạc về việc thông qua đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 1541/SXD-QHKT&PTĐT ngày 05/11/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc góp ý 03 đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã: Ngũ Lạc, Đôn Châu, Đôn Xuân, huyện Duyên Hải;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lạc về việc xin phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Đính kèm Báo cáo số 109/BCTĐ-PKT&HT ngày 11/9/2020 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Duyên Hải).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ ranh hành chính xã Ngũ Lạc, tổng diện tích tự nhiên là 3.489,04 ha với tứ cận của khu đất được xác định như sau:

- + Phía Đông: giáp thị xã Duyên Hải;
- + Phía Tây: giáp xã Đôn Châu huyện Duyên Hải;
- + Phía Nam: giáp xã Long Khánh và Kênh Đào Trà Vinh;
- + Phía Bắc: giáp xã Thạnh Hòa Sơn huyện Cầu Ngang.

2. Quan điểm, mục tiêu, tính chất, chức năng lập quy hoạch:

2.1. Quan điểm:

- Phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội huyện Duyên Hải và các quy hoạch xây dựng có liên quan trên địa bàn xã.

2.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội xã Ngũ Lạc.
- Làm cơ sở định hướng phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn.
- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư.
- Định hướng sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất cho toàn xã.

2.2. Tính chất, chức năng:

- Là đồ án Quy hoạch chung xây dựng định hướng phát triển không gian toàn xã, trong đó xác định không gian các khu vực xây dựng như sau:

+ Đối với Khu trung tâm: với chức năng chính là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Ngoài ra còn có các điểm dân cư, khu công viên cây xanh, thể dục thể thao, khu công trình dịch vụ công cộng khác...

+ Đối với các điểm dân cư nông thôn: chức năng chính là điểm dân cư với hệ thống hạ tầng đồng bộ.

3. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động của xã:

- Dân số hiện trạng toàn xã (theo số liệu Chi cục thống kê huyện Duyên Hải cung cấp 2019): 18.496 người.

- Dân số dự báo theo giai đoạn quy hoạch:

+ Đến năm 2025: 19.900 người.

+ Đến năm 2030: 21.500 người.

* Không bao gồm (4.000 - 6.000) dân cư đô thị trong khu vực phát triển khu trung tâm huyện Duyên Hải.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

- Đất ở : $\geq 100 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất xây dựng công trình nhà ở : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất vườn ao : $75 \text{ m}^2/\text{người}$.
- Đất công trình công cộng : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- Đất cây xanh : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$.
- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.

Ngoài ra đất nông, lâm ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ sản xuất: tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của địa phương.

4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước : 80 lít/người.ngày đêm
- Thoát nước : $\geq 80\%$ lưu lượng nước cấp.
- Rác thải : 0,8kg/người.ngày đêm.
- Cấp điện : $400 \div 1000 \text{ KWh/người/năm}$.
- Thông tin liên lạc : Điện thoại cố định đạt mật độ 3 thuê bao/100 dân; Số thuê bao điện thoại di động (trả trước và trả sau) đạt mật độ 110 thuê bao/100 dân; Số thuê bao internet băng thông rộng (cố định và di động) đạt mật độ 32 thuê bao/100 dân.

5. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian tổng thể xã:

5.1. Cơ cấu phân khu chức năng:

- Bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các điểm dân cư và không gian sản xuất.

+ Không gian trung tâm, vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, trạm y tế, nhà văn hóa, thư viện, khu thương mại dịch vụ...

+ Không gian điểm dân cư hiện hữu và điểm dân cư phát triển xây dựng mới. Các điểm dân cư này được sắp xếp nằm liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, kênh rạch.

+ Không gian sản xuất, định hướng phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý.

- Cơ cấu các điểm dân cư nông thôn như sau:

Stt	Điểm dân cư	Diện tích (ha)	Đất ở (ha)	Dân số (người)	Vị trí
1	Điểm dân cư số 1	75,98	42	3.500	Áp Rọ Say

	(Điểm dân cư trung tâm)				
2	Điểm dân cư số 2	104,25	48	4.000	Ấp Cây Xoài, Ấp Cây Da
3	Điểm dân cư số 3	19,71	24	2.000	Ấp Mé Láng
4	Điểm dân cư số 4	97,04	42	3.500	Ấp Sóc Ớt, Ấp Đường Liễu
5	Điểm dân cư số 5	18,48	18	1.500	Ấp Rọ Say
6	Điểm dân cư số 6	13,19	12	1.000	Ấp Trà Khúp
7	Điểm dân cư số 7	53,39	18	1.500	Ấp Bồn Thanh
8	Điểm dân cư số 8	89,94	30	2.500	Ấp Sóc Ruộng
9	Điểm dân cư số 9	70,53	18	1.500	Ấp Thốt Lốt
10	Dân cư rải rác	20,84	6	500	Xã Ngũ Lạc
TỔNG		563,35	258	21.500*	

* Không bao gồm (4.000-6.000) dân cư đô thị trong khu vực phát triển khu trung tâm huyện Duyên Hải.

- Tổ chức không gian chức năng các điểm dân cư như sau:

+ **Điểm dân cư số 1 (trung tâm xã):** Đây là điểm dân cư tập trung dọc đường Tỉnh 914 kết hợp với khu trung tâm công cộng dịch vụ xã được xây dựng mới (các trường học, khu trung tâm hành chính xã, khu bưu điện và dịch vụ, khu nhà văn hóa, thư viện, khu cây xanh sử dụng công cộng), với quy mô diện tích khoảng 75,98 ha và dân số khoảng 3.500 người.

+ **Điểm dân cư số 2:** Thuộc ấp Cây Xoài và ấp Cây Da, bố trí nằm về phía Nam dọc đường Tỉnh 914, kéo dài theo tuyến đường số 2 dự đến xã Đôn Châu. Quy mô diện tích khoảng 104,25 ha, quy mô dân số 4.000 người.

+ **Điểm dân cư số 3:** Thuộc ấp Mé Láng, bố trí dọc 2 bên tuyến đường Tỉnh 914, nằm ở phía Đông điểm dân cư trung tâm. Quy mô diện tích khoảng 19,71 ha, quy mô dân số khoảng 2.000 người.

+ **Điểm dân cư số 4:** Thuộc ấp Sóc Ớt và ấp Đường Liễu, bố trí dọc tuyến đường Tỉnh 914 và tuyến nhựa hiện hữu thuộc ấp Sóc Ớt, nằm ở vị trí giáp ranh giữa ấp Mé Láng và ấp Đường Liễu đến đến xã Long Hữu. Quy mô diện tích khoảng 97,04 ha, quy mô dân số khoảng 3.500 người.

+ **Điểm dân cư số 5:** Thuộc ấp Rọ Say, bố trí nằm về phía Đông dọc tuyến đường huyện 21 và phía Bắc đường Tỉnh 914. Quy mô diện tích khoảng 18,48 ha, quy mô dân số khoảng 1.500 người.

+ **Điểm dân cư số 6:** Thuộc ấp Trà Khúp, bố trí dọc tuyến đường nhựa hiện kết nối qua xã Long Hữu. Quy mô diện tích khoảng 13,19 ha, quy mô dân số khoảng 1.000 người.

+ **Điểm dân cư số 7:** Thuộc ấp Bồn Thanh, bố trí dọc tuyến đường liên ấp hiện hữu. Nằm về phía Đông ranh giới ấp Sóc Ruộng và ấp Bồn Thanh kéo

dài đến xã Long Hữu. Quy mô diện tích khoảng 53,39 ha, quy mô dân số khoảng 1.500 người.

+ **Điểm dân cư số 8:** Thuộc ấp Sóc Ruộng, bố trí về phía Đông dọc đường huyện 21 kéo dài đến ranh giới ấp Sóc Ruộng và ấp Bồn Thanh. Quy mô diện tích khoảng 89,94 ha, quy mô dân số khoảng 2.500 người.

+ **Điểm dân cư số 9:** Thuộc ấp Thốt Lốt, bố trí về phía Tây dọc đường huyện 21 kéo dài đến ranh giới xã Đôn Châu. Quy mô diện tích khoảng 70,53 ha, quy mô dân số khoảng 1.500 người.

+ Ngoài ra dân cư rải rác còn phân bố trong đất nông nghiệp khoảng 500 dân.

5.2. Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

a. Tổ chức không gian tổng thể:

Xã Ngũ Lạc được chia thành 2 không gian chính bởi tuyến đường Tỉnh 914.

- Khu vực phía Bắc đường Tỉnh 914: định hướng là khu vực phát triển dân cư, được tổ chức có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các điểm dân cư và không gian sản xuất.

+ Không gian trung tâm xã được tổ chức đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất cho toàn xã.

+ Không gian các điểm dân cư tạo được sự hài hòa giữa điểm dân cư hiện hữu và điểm dân cư phát triển xây dựng mới.

+ Không gian sản xuất, được phân chia theo các chức năng sử dụng đất theo định hướng phát triển nông nghiệp và kế hoạch canh tác, trồng trọt hợp lý, cho năng suất cao nhất.

- Khu vực phía Nam đường Tỉnh 914: được định hướng theo quy hoạch chung khu kinh tế Định An, gồm khu vực phát triển khu công nghiệp Ngũ Lạc, khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc, khu dịch vụ công cộng (bao gồm khu trung tâm hành chính huyện Duyên Hải), khu công viên hồ nước ngọt và một phần là khu đất dự trữ phát triển được định hướng phát là sân bay.

b. Tổ chức không gian trung tâm:

- Khu trung tâm của xã được tổ chức ngay tại vị trí trung tâm hành chính hiện hữu, được định hướng phát triển không gian theo đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Ngũ Lạc, cụ thể gồm các công trình: trung tâm hành chính, bưu điện, nhà văn hóa, thư viện, trường học, trạm y tế, khu thương mại dịch vụ,...kết hợp với một khu cây xanh – vườn hoa sử dụng công cộng.

- Trung tâm chính của xã được bố trí ngay tại vị trí trụ sở hành chính xã hiện hữu kết hợp là bổ sung các chức năng còn thiếu nhằm hoàn thiện khả năng phục vụ cho toàn xã.

- Trung tâm của các điểm dân cư, tại đó sẽ bố trí các chức năng như: nhà trẻ, ban nhân dân ấp, sân tập luyện thể thao,...Các chức năng được bố trí tập

trung để tạo cảnh quan, xây dựng hạ tầng thuật đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và bán kính phục vụ nhu cầu thiết yếu.

- Ngoài ra trung tâm huyện nằm về phía Đông Nam xã Ngũ Lạc tiếp giáp trực tiếp với xã Long Khánh có không gian kiến trúc cảnh quan được định hướng theo đồ án quy hoạch phân khu trung tâm huyện Duyên Hải.

c. Tổ chức không gian các điểm dân cư:

- Trong tương lai, vẫn sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, kênh rạch, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân, theo đó các điểm dân cư nông thôn xã Ngũ Lạc dự kiến bao gồm dân cư phát triển mới nằm liền kề với dân cư hiện hữu, được phân bố theo các tuyến đường tỉnh lộ 914, đường Huyện 21 và các tuyến đường nhựa hiện hữu..

- Tổ chức các mô hình nhà ở nông thôn phù hợp và các nhóm nhà ở nông thôn kết hợp với khu sản xuất thuận tiện, phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc thù trên địa bàn xã.

d. Tổ chức không gian sản xuất:

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch theo đó phần đất nông nghiệp được phân chia bởi tuyến đường Tỉnh 914, phía Bắc chủ yếu đất trồng cây hằng năm, cây lâu năm và một số ít đất thủy sản.

- Khu vực phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp như nuôi trồng thủy hải sản, khu chăn nuôi tập trung, nuôi trồng, bố trí phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

e. Tổ chức không gian các khu vực chức năng:

- Phía Nam đường tỉnh 914 được định hướng theo quy hoạch khu kinh tế Định An, là các công trình công nghiệp và một phần đất công viên hồ nước.

+ Khu công nghiệp Ngũ Lạc chiếm khoảng 650ha, khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc chiếm khoảng 135ha thuộc một phần xã Ngũ Lạc là khu vực phát triển khu công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm, công nghiệp chế biến thủy hải sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng,.... và khu công viên hồ nước ngọt có diện tích là 154ha.

- Ngoài ra khu vực phía Nam còn lại tiếp giáp với xã Long Hữu chủ yếu là đất dự trữ phát triển, có một phần diện tích khoảng hơn 152ha thuộc địa phận xã Ngũ Lạc, giáp sông Giồng Ôi được định hướng theo quy hoạch chung Khu kinh tế Định An và định hướng quy hoạch chung thị xã Duyên Hải, là khu vực sân bay. Khu vực quanh sân bay và trong vùng phễu bay được định hướng hạn chế xây dựng đảm bảo quy định an toàn về vùng bay.

5.3. Vị trí quy mô các công trình công cộng dịch vụ xã:

5.3.1. Công trình giáo dục:

Bảng tổng hợp quỹ đất xây dựng công trình giáo dục (xã)

Stt	Danh mục	Quy hoạch đến năm 2030		Ghi chú
		Diện tích (ha)	Vị trí (ấp)	
1	Trường THPT	0,91	Sóc Ruộng	Xây dựng mới
2	Trường THCS Ngũ Lạc	1,18	Rọ Say	Mở rộng, chỉnh trang
3	Trường PTDTNT-THCS huyện Duyên Hải	0,57	Sóc Ruộng	
4	Trường Tiểu học Ngũ Lạc	2,53		
	+ Trường tiểu học Ngũ Lạc A	1,54	Rọ Say (điểm chính) và 4 điểm lẻ	Chỉnh trang xây dựng
	+ Trường tiểu học Ngũ Lạc B	0,99	Sóc Ruộng (điểm chính) và 4 điểm lẻ	Chỉnh trang xây dựng
5	Trường Mẫu giáo Ngũ Lạc	1,52		
	Mẫu giáo Ngũ Lạc	0,12	Mé Láng	Cải tạo, chỉnh trang
	Mẫu giáo Hoa Mai	0,11	Thốt Lốt	Cải tạo, chỉnh trang
	Mẫu giáo Trà Khúp	0,20	Trà Khúp	Xây dựng mới
	Mẫu giáo Bồn Thanh	0,30	Bồn Thanh	Xây dựng mới
	Mẫu giáo Mé Láng	0,30	Mé Láng	Xây dựng mới
	Mẫu giáo Thốt Lốt	0,22	Thốt Lốt	Xây dựng mới
	Mẫu giáo Sóc Ruộng	0,27	Sóc Ruộng	Xây dựng mới
	Tổng	6,71		

- Trường mầm non xã được nâng cấp từ 02 điểm trường mẫu giáo hiện hữu và xây dựng mới 05 trường mẫu giáo, cụ thể:

- + Nâng cấp mở rộng trường mẫu giáo thuộc ấp Mé Láng và ấp Thốt Lốt.
- + Xây dựng mới các trường mẫu giáo tại các ấp Trà Khúp, Bồn Thanh, Mé Láng, Thốt Lốt và ấp Sóc Ruộng.

- Trường tiểu học: Nâng cấp chỉnh trang 02 điểm trường chính và 08 điểm lẻ hiện hữu trên địa bàn xã.

- Trường trung học cơ sở:
- + Nâng cấp mở rộng trường trung học cơ sở Ngũ Lạc thuộc ấp Rọ Say để phục vụ cho toàn xã.
- + Chính trang xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú - trung học cơ sở huyện Duyên Hải để phục vụ cho nhu cầu phát triển của người dân trong khu vực.
- Trường trung học phổ thông: Xây dựng mới các trường trung học phổ thông huyện Duyên Hải tại ấp Sóc Ruộng (theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

5.3.2. Công trình y tế:

Cải tạo chính trang trạm y tế hiện hữu nằm ở vị trí ấp Cây Da, với diện tích khoảng 0,12ha để phục vụ cho toàn xã trong giai đoạn đến năm 2030.

5.3.3. Công trình Trụ sở hành chính:

- Trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc HĐND, UBND, Đảng Ủy, Công An,...) với tổng diện tích khoảng 0,7 ha được xây dựng kiên cố, có vị trí thuộc điểm dân cư số 1 (trung tâm xã), nằm cấp tuyến đường Huyện 21 thuộc địa bàn ấp Rọ Say.

- Cải tạo chính trang nhà văn hóa trên địa bàn xã, mỗi ấp sẽ có nhà văn hóa ấp (bao gồm trụ sở ấp, hội trường...) quy mô diện tích tối thiểu cho 01 công trình $\geq 500m^2$.

5.3.4. Nghĩa trang nhân dân xã:

Cải tạo chính trang và mở rộng nghĩa trang nhân dân hiện hữu tại ấp Rọ Say với diện tích khoảng 1,8ha để phục vụ cho toàn xã đến năm 2030 (theo quy hoạch nghĩa trang tỉnh Trà Vinh).

5.3.5. Công trình cây xanh – thể dục thể thao:

Khu công viên – cây xanh - vườn hoa có diện tích khoảng 2,15ha thuộc địa bàn ấp Rọ Say. Không chỉ là công viên cây xanh cảnh quan mà công viên còn được bố trí một số dụng cụ tập thể dục thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân địa phương. Cải tạo chính trang nhà văn hóa trên địa bàn xã, mỗi ấp sẽ có nhà văn hóa ấp (bao gồm trụ sở ấp, hội trường...) quy mô diện tích tối thiểu cho 01 công trình $\geq 500m^2$.

5.3.6. Các công trình công cộng dịch vụ khác:

- Cải tạo chính trang Chợ hiện hữu nằm ở vị trí ấp Cây Da, ngay cạnh tuyến giao thông, với tổng quy mô 0,44 ha. Cải tạo nâng cấp và mở rộng, có bãi xe, có nơi thu, chứa chất thải rắn trong ngày. Xây dựng chợ mới với quy mô diện tích khoảng 01 ha trên khu đất cao, dễ thoát nước với tổng quy mô khoảng 1,44ha để đáp ứng nhu cầu của người dân, trong tương lai xã sẽ trở thành thị trấn đô thị loại V.

- Các cửa hàng tiểu thương nhỏ lẻ, cửa hàng dịch vụ do xã tổ chức cũng được bố trí ở khu trung tâm xã.

- Bưu điện hiện hữu cần cải tại chính trang có diện tích khoảng 0,13ha ở vị trí ấp Rọ Say.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Với tổng diện tích tự nhiên có 3.489,04 ha cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã Ngũ Lạc như sau:

- Đất nông nghiệp: 1.651,69 ha chiếm 47,34% tổng diện tích tự nhiên
- Đất phi nông nghiệp: 1.850,04 ha chiếm 52,66% tổng diện tích tự nhiên

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỐNG KÊ THEO BẢNG SAU:

Stt	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)		Tỷ lệ %
		Năm 2025	Năm 2030	
1	Đất nông nghiệp	1.807,86	1.639,00	46,98
1.1	Đất trồng cây hằng năm	763,40	723,40	
1.1.1	Đất trồng lúa	751,86	711,86	
1.1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	11,54	11,54	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	115,65	105,65	
1.3	Đất rừng phòng hộ	0,00	0,00	
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	928,81	809,95	
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	
2	Đất xây dựng	1.548,13	1.653,61	47,39
2.1	Đất ở nông thôn	238,80	258,00	7,39
2.2	Đất công cộng	30,27	30,27	0,87
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	17,96	17,96	
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	0,12	0,12	
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	5,32	5,32	
	- Đất sinh hoạt cộng đồng	0,18	0,18	
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	3,00	3,00	
	- Đất bưu điện	0,13	0,13	
	- Đất chợ	1,44	1,44	
	- Đất thương mại, dịch vụ	1,92	1,92	
	- Đất có mục đích công cộng khác	0,20	0,20	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	8,6	10	0,29
	- Đất cây xanh			
	- Sân thể dục thể thao xã	1,06	1,06	
	- Sân thể thao ấp			
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	16,71	16,71	0,48
	- Đất tôn giáo	15,96	15,96	
	- Đất tín ngưỡng	0,75	0,75	
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	1.039,77	1.039,77	29,80
	- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,27	1,27	
	- Đất cụm công nghiệp	1.038,5	1.038,5	
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	

2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,00	0,00	0,00
	- Đất xây dựng công trình sự nghiệp	0,00	0,00	
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	211,04	295,92	8,48
	- Đất giao thông	111,55	196,43	
	- Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00	
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,27	5,27	
	- Đất thủy lợi	84,52	84,52	
	- Đất công trình năng lượng	9,70	9,70	
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,00	0,00	
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	2,94	2,94	
3	Đất khác	133,05	196,43	5,63
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	133,05	196,43	
3.2	Đất chưa sử dụng	0,00	0,00	
TỔNG		3.489,04	3.489,04	100

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

- Nâng cấp và cải tạo đường đường Tỉnh 914 với lộ giới là tuyến đường giao thông đối ngoại chính kết nối xã với các khu công nghiệp, dân cư khác trong Khu kinh tế Định An và toàn tỉnh Trà Vinh.

- Nâng cấp Đường huyện 21 với lộ giới 29m nhằm nâng cao khả năng kết nối xã Ngũ Lạc và khu vực phía Bắc.

- Tuyến đường phía Bắc kênh đào Trà Vinh với lộ giới 45m ÷ 60m là tuyến đường kết nối với hệ thống cảng trên kênh đào Trà Vinh, góp phần phát triển nền kinh tế của xã cũng như khu kinh tế Định An.

- Tuyến đường số 1, số 2, số 5 đã có dự án đã và đang triển khai tạo động lực phát triển cho Khu công nghiệp và khu dịch vụ công nghiệp Ngũ lạc.

b. Giao thông đối nội:

- Khu vực khu Công nghiệp và Dịch vụ Công nghiệp Ngũ Lạc hệ thống giao thông được cập nhật theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp và khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc với lộ giới 18 - 36m.

- Các tuyến đường đi qua các điểm dân cư, đất nông nghiệp,... đầu tư với lộ giới từ 8 - 16m, đảm bảo lưu lượng giao thông, tiết kiệm chi phí đầu tư. Các tuyến đường này cần đảm bảo hành lang bảo vệ kết cấu đường, đồng thời đây cũng là phần đất dự trữ mở rộng đường khi lưu lượng giao thông tăng hoặc mở rộng quy mô các đô thị.

- Các tuyến giao thông nội đồng có xe cơ giới đi qua có mặt đường tối thiểu 4m.

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG							
			KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG			HLBV/ĐƯ TRƯ	
				trái	phải	trái	phân cách	phải	trái	phải
		m		m	m	m	m	m	m	m
A	Giao thông đối ngoại									
1	ĐƯỜNG TỈNH 914	60,0	1-1	3,25	3,25	11,25	3,0	11,25	14,0	14,0
2	ĐƯỜNG PHÍA BẮC KÊNH ĐÀO TRÀ VINH	45 ÷ 60	2-2	3,5	3,5	11,25	3,0	11,25	12,5 ÷ 27,5	
3	ĐƯỜNG HUYỆN 21	29,0	3-3	1,0	1,0	3,5	0,0	3,5	10,0	10,0
4	TUYẾN SỐ 1	28,0	7-7	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
5	TUYẾN SỐ 2	28,0	7-7	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
6	TUYẾN SỐ 5	28,0	7-7	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
7	TUYẾN SỐ 2 NỐI DÀI	28,0	7-7	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
8	ĐƯỜNG N17	25,0	5A-5A	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5,0	5,0
B	Giao thông khu CN-DV Ngũ Lạc									
1	ĐƯỜNG N1	28,0	7-7	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
2	ĐƯỜNG N1A	18,0	10-10	4,0	4,0	5,0	0,0	5,0	0,0	0,0
3	ĐƯỜNG N2	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
4	ĐƯỜNG N3	36,0	8-8	8,0	8,0	9,0	2,0	9,0	0,0	0,0
5	ĐƯỜNG N4	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
6	ĐƯỜNG N4A	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
7	ĐƯỜNG N5	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
8	ĐƯỜNG N6	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
9	ĐƯỜNG N7	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
10	ĐƯỜNG D5	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
11	ĐƯỜNG D2	28,0	7-7	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
12	ĐƯỜNG D3	28,0	7-7	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
13	ĐƯỜNG D4	28,0	7-7	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
14	ĐƯỜNG D6	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
15	ĐƯỜNG D7	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
16	ĐƯỜNG D8	25,0	9-9	4,0	4,0	8,5	0,0	8,5	0,0	0,0
B	Giao thông đối nội									
1	ĐƯỜNG N8	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
2	ĐƯỜNG N9	16,0	5-5	2,0	2,0	2,0	0,0	2,0	4,0	4,0
3	ĐƯỜNG N10	16,0	5-5	2,0	2,0	2,0	0,0	2,0	4,0	4,0
4	ĐƯỜNG N11	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
5	ĐƯỜNG N12	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
6	ĐƯỜNG N13	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
7	ĐƯỜNG N14	16,0	5-5	2,0	2,0	2,0	0,0	2,0	4,0	4,0
8	ĐƯỜNG N15	16,0	5-5	2,0	2,0	2,0	0,0	2,0	4,0	4,0

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG							
			KỶ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG			HLBV/ĐƯ TRƯ	
				trái	phải	trái	phân cách	phải	trái	phải
				m	m	m	m	m	m	m
9	ĐƯỜNG N16	16,0	5-5	2,0	2,0	2,0	0,0	2,0	4,0	4,0
10	ĐƯỜNG D9	16,0	5-5	2,0	2,0	2,0	0,0	2,0	4,0	4,0
11	ĐƯỜNG D10	16,0	5-5	2,0	2,0	2,0	0,0	2,0	4,0	4,0
12	ĐƯỜNG D11	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
13	ĐƯỜNG D12	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
14	ĐƯỜNG D13	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
15	ĐƯỜNG D14	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
16	ĐƯỜNG D15	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0
17	ĐƯỜNG D16	8,0	6-6	0,5	0,5	1,5	0,0	1,5	2,0	2,0

c. Đường thủy:

- Luồng tuyến kênh đào Trà Vinh: Là tuyến đường thủy vận tải tổng hợp liên vùng Đông - Tây (Tây Nam Bộ), hàng hải quốc gia và các tuyến hàng hải quốc tế qua khu vực Đông Nam Á. Tuyến này có cửa thông với biển tại xã Dân Thành – thị xã Duyên Hải, cửa thông với sông Hậu tại xã Định An - huyện Trà Cú.

- Khu vực có nhiều tuyến sông lớn: sông Cây Xoài, sông Cây Da, sông Giồng Ôi, sông Đường Địa,...kết nối với kênh đào Trà Vinh tạo nên tiềm năng phát triển cho khu vực công nghiệp, dịch vụ phía Nam thông qua việc vận chuyển hàng hóa thuận lợi.

- Các tuyến kênh rạch trong khu vực vừa có chức năng hoàn thiện mạng lưới giao thông thủy trên địa bàn xã, phục vụ các phương tiện vừa và nhỏ, vừa có chức năng điều tiết thủy lợi phục vụ sản xuất và phục vụ hệ thống thoát nước mặt.

7.2. Về cao độ nền - thoát nước mặt:

a. Công tác thủy lợi:

- Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn.

- Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương.

- Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn.

b. Về cao độ nền:

Chọn cao độ khống chế xã: $H_{xd} \geq 2,30m$, đảm bảo thích nghi với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

+ Đối với khu xây dựng hiện hữu: cao độ nền phù hợp với cao độ nền hiện trạng các công trình xung quanh theo từng vị trí, chủ yếu đắp cục bộ từng mặt bằng công trình, tạo độ dốc thoát nước mặt để không gây ngập úng cục bộ.

+ Các khu vực xây dựng mới: chỉ san gạt, tôn nền mặt bằng lớn khi thật cần thiết, cao độ xây dựng $\geq +2,3m$; $I_{min} \geq 0,004$ dốc về phía có cống thu gom nước mưa.

+ Đối với các khu vực đất sản xuất nông nghiệp đất dự trữ công nghiệp sẽ san lấp tùy theo nhu cầu sản xuất và giai đoạn đầu tư phát triển.

c. Về thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa của xã hầu như bám sát theo địa hình tự nhiên, thoát ra các sông rạch tự nhiên và kênh thủy lợi: sông La Bang, kênh đào Trà Vinh.

- Đối với khu công nghiệp, sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải.

- Đối với các điểm dân cư tập trung sử dụng mạng lưới thoát nước chung cho nước mưa và nước thải.

- Nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống D600-D1500.

- Hướng thoát: ra các sông, kênh rạch chảy qua lưu vực.

- Căn cứ vào quy hoạch giao thông và quy hoạch chiều cao (san nền) bố trí hệ thống thu nước mưa dọc theo hệ thống đường giao thông, thu nước mặt đường và nước mưa từ các lô đất dẫn ra các cửa xả của kênh, mương và các sông là những trục thoát nước chính của xã.

- Trên các tuyến bố trí các hố ga thu cách nhau tối đa 30m thu nước mặt đường.

7.3. Về hệ thống cấp nước:

** Chỉ tiêu cấp nước:*

- Khu vực thuộc vùng nông thôn mới: 80 (l/người.ngày đêm).

- Khu vực trung tâm xã: 100 (l/người.ngày đêm).

- Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, thương mại dịch vụ lấy trung bình 15% tổng lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Thất thoát rò rỉ lấy bằng 15% tổng lưu lượng nước cấp.

- Hệ số dùng nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,20 (cho khu dân cư).

- Tổng nhu cầu cấp nước: khoảng 2.850 (m³/ngày đêm)

** Định hướng hệ thống cấp nước:*

- Nguồn nước:

+ Điểm dân cư trung tâm và các điểm dân cư số 2,3,5: sử dụng nguồn nước cấp từ Trạm bơm giếng khoan hiện hữu, công suất nâng cấp khoảng 1.000m³/ngđ.

+ Các điểm dân cư còn lại: Sử dụng nguồn nước cấp từ trạm cấp nước xây mới (công suất 150÷500 m³/ngày đêm).

+ Khu công nghiệp: sử dụng hệ thống cấp nước riêng theo định hướng quy hoạch phân khu khu công nghiệp Ngũ Lạc từ trạm cấp nước công suất 35.000 m³/ ngày đêm.

- Mạng lưới:

+ Mạng lưới cấp nước mạng vòng kết hợp cắt đảm bảo an toàn cấp nước cho toàn xã.

+ Sử dụng ống nhựa uPVC, đường kính D100-200.

7.4. Phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

* *Chỉ tiêu thoát nước thải và rác thải:*

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 100% chỉ tiêu nước cấp.
- Chỉ tiêu thoát nước công cộng, dịch vụ thương mại lấy bằng 15% nước thải sinh hoạt.

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8-1,0kg/người.ngày đêm.

- Hệ số thoát nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,20 (cho khu dân cư)

- Tổng lưu lượng thoát nước thải toàn xã là: khoảng 2.500 (m³/ngày đêm).

- Tổng khối lượng rác thải toàn xã là: 20,6 (tấn/ ngày đêm).

* *Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

- Các điểm dân cư: sử dụng mạng lưới thoát nước chung, xây dựng các tuyến cống thoát nước trên các trục đường chính dẫn ra kênh gần nhất. Xây dựng bể xử lý nước thải thu gom nước thải đáy giếng tách dòng cuối tuyến cống chung. Nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường.

- Khu công nghiệp: sử dụng mạng lưới thoát nước riêng với nước mưa theo định hướng quy hoạch phân khu khu công nghiệp Ngũ Lạc, nước thải được thu gom theo các cống chính về các trạm xử lý nước thải trong khu công nghiệp. Nước mưa được thu gom bởi hệ thống cống 2 bên đường thoát ra kênh, rạch gần nhất.

Chất thải rắn được thu gom về các điểm tập kết chất thải rắn theo mỗi cụm điểm dân cư, công suất 2,5 ÷ 7,5tấn/ngày đêm. Chất thải rắn sau khi được phân loại tại điểm trung chuyển sẽ được đưa về khu liên hợp xử lý chất thải tại xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải.

Nghĩa trang: toàn xã sử dụng nghĩa trang ở ấp Rọ Say, diện tích khoảng 1,8ha (theo định hướng quy hoạch xây dựng nghĩa trang địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030).

7.5. Về cấp điện:

*** Chỉ tiêu cấp điện:**

- Khu dân cư: 400-1000 kWh/người.năm.
- Phụ tải công cộng: 30% phụ tải điện sinh hoạt.
- Công viên cây xanh: 20kW/ha.
- Giao thông: 10kW/ha.
- Tổng nhu cầu cấp điện: 5.555,9kW (6.536,3 kVA).

*** Định hướng cấp điện:**

- Nguồn điện: nguồn điện giai đoạn ngắn hạn từ trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Duyên Trà. Lâu dài được bổ sung nguồn điện từ trạm biến áp 110/22kV khu công nghiệp 2.

- Trạm biến áp phân phối 22/04kV: Cải tạo nâng cấp các trạm hiện hữu và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối mới với hình thức trạm ưu tiên chọn trạm phòng trạm đơn thân trạm giàn hoặc bố trí bên trong các cao ốc...đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Lưới điện trung thế 22kV: Cải tạo nâng cấp ngầm hóa các tuyến hiện hữu xây dựng mới các tuyến trung thế mới từ trạm biến áp 110kV Duyên Trà, sử dụng dây nhôm lõi thép tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$ theo dạng lưới kín vận hành hở. Sử dụng cáp ngầm cách điện XLPE 24kV cỡ dây $\geq 240\text{mm}^2$ và các RMU tự động vốn thích hợp cho việc rút ngắn thời gian mất điện và cách ly phần sự cố cung cấp điện trung thế 22kV cho khu quy hoạch.

7.6. Về hệ thống thông tin liên lạc:

* **Chỉ tiêu:** Điện thoại cố định đạt mật độ 3 thuê bao/100 dân. Số thuê bao điện thoại di động(trả trước và trả sau) đạt mật độ 110 thuê bao/100 dân. Số thuê bao internet băng thông rộng (cố định và di động) đạt mật độ 32 thuê bao/100 dân.

*** Dự báo nhu cầu:**

- + Điện thoại cố định: 645 thuê bao.
- + Điện thoại di động: 23.650 thuê bao.
- + Internet: 6.880 thuê bao.

* **Nguồn cấp:** Hệ thống thông tin liên lạc khu quy hoạch được cấp tư bưu điện Ngũ Lạc hiện hữu. Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch là hệ thống nổi lâu dài được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan đô thị.

*** Bố trí đường dây:**

- Cải tạo và xây dựng mới các tuyến thông tin liên lạc dọc các đường khu quy hoạch sử dụng cáp quang từ bưu điện xã Ngũ Lạc phân phối dịch vụ cho khu quy hoạch .

- Hệ thống cáp trong khu vực được đi nổi hoặc ngầm trong các tuyến cống bê xây dựng mới. Cáp trong nội bộ khu nhà ở chủ yếu sử dụng loại cáp đi trong cống bê (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm² hoặc cáp quang.

- Tuyến cống bê: Sẽ được lắp đặt ở một bên đường tùy theo cụ thể các nhu cầu. Vị trí các tuyến ống được bố trí theo quy hoạch hạ tầng đường dây đường ống.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

** Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:*

- Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

- Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu hành chính - công cộng đạt QCVN 05: 2013/BTNMT.

- Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100% và vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải.

- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải là 100%. Nước thải sau khi thu gom được dẫn về bể xử lý nước thải cục bộ.

- Tăng diện tích đất cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.

- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100%.

** Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:*

- Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện:

+ Quy hoạch gìn giữ, trùng tu cải tạo đất tôn giáo hiện hữu.

+ Quy hoạch hành lang cây xanh, công viên cây xanh bảo vệ môi trường.

+ Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đối với các quy hoạch giao thông, san lấp nền và cấp, thoát nước đều có tính đến việc thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường:

+ giảm thiểu ô nhiễm không khí: Các phương tiện tham gia giao thông đường bộ áp dụng tiêu chuẩn Euro 4. Tăng cường việc sử dụng nhiên liệu sạch (săng sinh học E5, khí thiên nhiên nén CNG, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, ...) trong hoạt động giao thông theo Quyết định số 909/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kiểm soát khí thải các phương tiện giao thông cơ giới (ít gây ô nhiễm).

+ Giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải rắn: Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, vận động tái chế, tái sử dụng, chế biến phân hữu cơ, chôn lấp vệ sinh.

- + Kiểm soát ô nhiễm nước thải sinh hoạt và công nghiệp.
- + Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường.
- + Các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.
- + Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường, cụ thể 2 lần trong năm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên theo phân kỳ kế hoạch:

Danh mục được đầu tư được thực hiện theo đề án nông thôn mới của xã Ngũ Lạc.

10. Quy định quản lý theo quy hoạch:

Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lạc có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và trình cấp có thẩm quyền về quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, làm cơ sở cho việc công khai và quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn xã trong kỳ quy hoạch.

11. Tiến độ giải pháp tổ chức thực hiện đề án quy hoạch xây dựng:

- Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lạc tập trung phát huy nội lực của cộng đồng địa phương để xây dựng mô hình nông thôn mới, theo phương châm nhà nước hỗ trợ một phần để phát huy sự đóng góp của cộng đồng, phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

- Quy hoạch tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất, mô hình dân cư. Tuy nhiên, việc đầu tư phải do chính người dân tự đề xuất và thiết kế trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và Quyết định thông qua cộng đồng.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Đề án quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lạc phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan công bố rộng rãi để các tổ chức, cá nhân trong khu vực biết, kiểm tra và thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Huyện ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lạc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh;
- Sở NN&PTNT tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Như điều 3;
- LĐVP, NCNN, NCKT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Kim Chi Hoà